

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12166/BTC-TCHQ

V/v triển khai thực hiện các quy định của Luật
Thuế XK, thuế NK

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố

Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và có hiệu lực thi hành từ 01/9/2016. Để thực hiện thống nhất những quy định mới, quan trọng của Luật từ ngày 01/9/2016, Bộ Tài chính đề nghị đồng chí Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chú ý chỉ đạo thực hiện một số nội dung như sau:

I. Về việc miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công

Hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá sản phẩm trở lên thì không được miễn thuế xuất khẩu.

Người nộp thuế tự kê khai, tự xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm trước khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hóa để làm cơ sở xác định hàng hóa miễn thuế theo quy định.

Việc xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm căn cứ vào quy định về xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

II. Về việc miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu

1. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm, sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm:

a) Nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không trực tiếp chuyển hóa thành hàng hóa;

b) Sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn, đóng gói hàng hóa xuất khẩu lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;

c) Linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm xuất khẩu;

d) Hàng hóa nhập khẩu không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng mà chỉ dùng làm hàng mẫu.

2. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện như quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ và Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công.

III. Về việc miễn thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định

1. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định được miễn thuế theo quy định tại Khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phải đảm bảo không làm thay đổi hình dáng, công dụng và đặc tính cơ bản của hàng hóa tạm nhập, tạm xuất và không tạo ra hàng hóa khác.

Trường hợp thay thế hàng hóa theo Điều kiện bảo hành của hợp đồng mua bán thì hàng hóa thay thế phải đảm bảo về hình dáng, công dụng và đặc tính cơ bản của hàng hóa được thay thế.

3. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng hóa tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định

Đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, người nộp thuế phải nộp thêm thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc giấy nộp tiền đặt cọc vào tài Khoản tiền gửi của cơ quan hải quan tại Kho bạc Nhà nước: 01 bản chụp, xuất trình bản chính để đối chiếu đối với trường hợp thư bảo lãnh chưa được cập nhật vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Việc bảo lãnh hoặc đặt cọc tiền thuế nhập khẩu đối với hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực hiện theo hướng dẫn tại Mục XI công văn này.

IV. Về việc xác định dự án sản xuất sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm

Việc xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm làm căn cứ miễn thuế theo quy định tại Khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục I công văn này.

V. Về việc miễn thuế đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm; hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho giáo dục; hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thực hiện theo quy định tại Khoản 18, Khoản 20, Khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Căn cứ để xác định hàng hóa trong nước chưa sản xuất được thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Thông tư số 14/2015/TT-BKHĐT ngày 17/11/2015 ban hành danh Mục máy móc, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được (sau đây gọi chung là Thông tư số 14/2015/TT-BKHĐT).

2. Danh Mục hoặc tiêu chí xác định tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và công nghệ.

3. Căn cứ để xác định hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Căn cứ xác định hàng hóa chuyên dùng là sách, báo, tài liệu, thiết bị dạy học, thiết bị nghiên cứu dùng trong nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho giáo dục thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục đào tạo.

5. Hồ sơ miễn thuế:

Hồ sơ miễn thuế là hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

Đối với hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tùy từng trường hợp cụ thể, người nộp thuế phải nộp thêm một trong các giấy tờ sau:

a) Quyết định về việc thực hiện đề tài, chương trình, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và danh Mục hàng hóa cần nhập khẩu để thực hiện đề tài, chương trình, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật khoa học và công nghệ: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan;

b) Văn bản xác nhận danh Mục hàng hóa để phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Bộ chủ quản nơi có dự án, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan;

c) Văn bản xác nhận danh Mục hàng hóa để phục vụ đổi mới công nghệ của Bộ Khoa học công nghệ hoặc cơ quan được Bộ Khoa học công nghệ ủy quyền: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan.

6. Thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng hóa miễn thuế tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

VI. Về việc miễn thuế đối với phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

1. Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được, cần thiết nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Khoản 12 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Căn cứ để xác định hàng hóa trong nước chưa sản xuất được thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Thông tư số 14/2015/TT-BKHĐT.

3. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định hiện hành đối với trường hợp miễn thuế phải đăng ký danh Mục hàng hóa miễn thuế tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

VII. Về việc miễn thuế hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền

1. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Khoản 17 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phải thuộc Danh Mục do Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành.

Hàng hóa thuộc đối tượng nhập khẩu được miễn thuế theo quy định tại Mục này phải do các tổ chức được Ngân hàng Nhà nước chỉ định nhập khẩu.

2. Căn cứ xác định máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

3. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định hiện hành đối với trường hợp miễn thuế không phải đăng ký danh Mục hàng hóa miễn thuế tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, hồ sơ miễn thuế phải có văn bản của Ngân hàng Nhà nước cho phép tổ chức được phép nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng phục vụ hoạt động in, đúc tiền: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính.

VIII. Về việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa không nhằm Mục đích thương mại

1. Hàng hóa không nhằm Mục đích thương mại được miễn thuế nhập khẩu trong các trường hợp sau:

a) Hàng mẫu có trị giá hải quan không vượt quá 50.000 (năm mươi nghìn) đồng Việt Nam hoặc hàng hóa chỉ sử dụng làm mẫu, không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng;

b) Ảnh về hàng mẫu, phim về hàng mẫu, mô hình thay thế cho hàng mẫu;

c) Ấn phẩm quảng cáo thuộc Chương 49 của Danh Mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, bao gồm: tờ rơi, catalogue thương mại, niên giám, tài liệu quảng cáo, áp phích du lịch được dùng để quảng cáo, công bố hay quảng cáo một hàng hóa hoặc dịch vụ và được cung cấp miễn phí được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Khoản 10 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu,

thuế nhập khẩu với Điều kiện mỗi lô hàng chỉ gồm 01 loại ấn phẩm và tổng khối lượng không quá 01 kg; trường hợp 01 lô hàng có nhiều loại ấn phẩm khác nhau thì mỗi loại ấn phẩm chỉ có một bản hoặc có tổng khối lượng ấn phẩm không vượt quá 01 kg.

2. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định hiện hành đối với trường hợp miễn thuế không phải đăng ký danh Mục hàng hóa miễn thuế tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

IX. Về việc miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác được miễn thuế theo quy định tại Khoản 23 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, bao gồm:

a) Hàng hóa trong nước chưa sản xuất được cần thiết nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho dự án thuộc chương trình phục vụ đảm bảo an sinh xã hội của Chính phủ được miễn thuế nhập khẩu.

b) Hàng hóa trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh được miễn thuế nhập khẩu.

c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp đặc biệt khác được Thủ tướng Chính phủ quyết định từng trường hợp cụ thể được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Hồ sơ đề nghị miễn thuế trước khi làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, gồm:

a) Công văn đề nghị miễn thuế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc Bộ hoặc cấp tương đương trong đó nêu rõ tình hình thiệt hại do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh gây ra trên địa bàn: 01 bản chính;

b) Danh Mục hàng hóa nhập khẩu trực tiếp phục vụ khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh: 01 bản chính;

c) Quyết định công bố dịch bệnh của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa để khắc phục dịch bệnh: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan.

3. Hồ sơ đề nghị miễn thuế trước khi làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp đảm bảo an sinh xã hội, gồm:

a) Công văn đề nghị miễn thuế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc Bộ hoặc cấp tương đương: 01 bản chính;

b) Danh Mục hàng hóa nhập khẩu trực tiếp phục vụ đảm bảo an sinh xã hội: 01 bản chính.

4. Hồ sơ đề nghị miễn thuế trước khi làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để trực tiếp phục vụ yêu cầu cứu trợ khẩn cấp khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, gồm:

a) Công văn đề nghị miễn thuế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc Bộ hoặc cấp tương đương về việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ yêu cầu cứu trợ khẩn cấp, trong đó nêu rõ tình hình thiệt hại do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh gây ra trên địa bàn: 01 bản chính;

b) Danh Mục hàng hóa nhập khẩu trực tiếp phục vụ cứu trợ khẩn cấp: 01 bản chính;

c) Quyết định công bố dịch bệnh của cấp có thẩm quyền theo quy định của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa để khắc phục dịch bệnh: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan.

5. Thủ tục miễn thuế:

a) Trên cơ sở công văn đề nghị miễn thuế của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc Bộ hoặc cấp tương đương, trong thời hạn 15 ngày, Bộ Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị miễn thuế và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định kèm theo Danh Mục hàng hóa đề nghị miễn thuế.

b) Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chi cục hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thực hiện miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định.

X. Về việc miễn thuế đối với hàng hóa có trị giá tối thiểu

1. Hàng hóa có tổng trị giá hải quan dưới 500.000 (năm trăm nghìn) đồng Việt Nam hoặc có tổng số tiền thuế xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp dưới mức 50.000 (năm mươi nghìn) đồng Việt Nam cho một lần xuất khẩu, nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Quy định này không áp dụng đối với hàng hóa là quà biếu, quà tặng, hàng hóa mua bán trao đổi của cư dân biên giới và hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

2. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định hiện hành đối với trường hợp miễn thuế không phải đăng ký danh Mục hàng hóa miễn thuế tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

XI. Về thời hạn nộp thuế, bảo lãnh, đặt cọc số tiền thuế phải nộp

1. Thời hạn nộp thuế quy định tại Điều 9 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Bảo lãnh tiền thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định hiện hành (trừ Điều kiện bảo lãnh).

3. Trường hợp sử dụng hình thức đặt cọc tiền thuế nhập khẩu đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn tạm nhập, tái xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn), người nộp thuế

phải nộp một Khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu của hàng hóa tạm nhập vào tài Khoản tiền gửi của cơ quan hải quan tại Kho bạc nhà nước.

Việc hoàn trả tiền đặt cọc thực hiện như quy định về hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất quá thời hạn tạm nhập - tái xuất, doanh nghiệp chưa tái xuất hàng hóa ra khỏi Việt Nam, cơ quan hải quan chuyển số tiền đặt cọc từ tài Khoản tiền gửi của cơ quan hải quan vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

XII. Đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất thuộc tờ khai hải quan trước ngày 01/9/2016

Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu chưa xuất khẩu sản phẩm (nguyên liệu còn tồn kho, chưa đưa vào sản xuất hoặc đã sản xuất nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm); hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất chưa tái xuất thuộc các tờ khai đăng ký với cơ quan hải quan trước 01/09/2016, chưa nộp thuế thì được miễn thuế theo quy định tại Khoản 7 và Điểm đ Khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Người nộp thuế có văn bản đề nghị cơ quan hải quan giải quyết thủ tục miễn thuế đối với tờ khai hải quan đăng ký trước ngày 01/9/2016, trong đó kê khai rõ số lượng hàng hóa và số tiền thuế thực hiện thủ tục hoàn thuế/không thu thuế; số lượng hàng hóa và số tiền thuế được miễn theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Số lượng hàng hóa và số tiền thuế tương ứng với hàng hóa được miễn kê khai trên tờ khai hải quan mới như quy định hiện hành về chuyển đổi Mục đích sử dụng (căn cứ tính thuế là trị giá tính thuế, thuế suất và tỷ giá tại thời Điểm tờ khai ban đầu). Thời gian thực hiện kê khai đến hết ngày 31/12/2016.

Đối với hàng hóa đã xuất khẩu sản phẩm, đã tái xuất người nộp thuế nộp hồ sơ hoàn thuế/không thu thuế theo quy định hiện hành.

Bộ Tài chính đề nghị các Cục Hải quan các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời những nội dung quy định của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 và những nội dung quan trọng cần lưu ý trong công văn này, trong quá thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đồng chí Cục trưởng Cục Hải quan địa phương phải báo cáo Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan để xử lý kịp thời, không được gây khó khăn cho doanh nghiệp hoặc phải để doanh nghiệp có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để b/c);
- Các Chi cục Hải quan (để thực hiện);

- Lưu: VT, TCHQ (220b).

Đỗ Hoàng Anh Tuấn